

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST  
Ngày: 25-5-2023  
“V/v Tranh chấp Đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2/- Ông Phan Văn Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi tài sản, cầm cố tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị C (Trinh), sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Tổ 38, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Cúc:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1983 theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/8/2020 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Ông Phạm Duyên Linh B, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 50, ấp P, xã Bình H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 50, ấp P, xã Bình H, huyện C, tỉnh An Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 9-3-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:* Do chỗ quen biết nhau nên vào ngày 09/11/2016 ă ông B có vay tiền của bà C số tiền 80.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh mua bán cùng vợ là bà Huỳnh Thị Phụng (có biên nhận ngày 09/11/2016), không thỏa thuận thời gian trả vốn vay, khi nào bà C cần thì ông B trả lại vốn cho bà C, sau đó đến ngày 13/12/2016 ă bà C có nhận cầm cố 01 chiếc xe gắn máy BKS 67D1-436.56 do ông B mang đến cầm với số tiền là 50.000.000 đồng lãi suất 3%, sau đó bà C cho ông B mượn lại xe để chạy nên bà C cho ông B nhận lại xe, ông B có đóng lãi từ việc cầm xe được 1 tháng là 1.500.000 đồng và ngưng đến nay không đóng lãi và không trả tiền cầm xe. Tổng cộng 02 lần vừa vay vừa cầm xe thì ông B còn nợ bà C số tiền 130.000.000 đồng, bà C đã nhiều lần đòi lại vốn vay và tiền cầm xe nhưng ông B cứ hẹn lần hẹn lữa cho đến nay chưa trả nợ cho bà C, ông B và bà P là vợ chồng, lúc vay tiền thì có bà Phụng cùng ký tên vào biên nhận nhận tiền, tờ thỏa thuận cầm xe bà P ký tên chứng kiến. Nay bà C yêu cầu ông B và bà P có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà số tiền 130.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

*Đối với bị đơn ông Phạm Duyên Linh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P:* Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Phạm Duyên Linh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Phụng có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị C số tiền 130.000.000 đồng và ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng phải chịu án phí dân sự theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Duyên Linh B là bị đơn trong vụ kiện và bà Huỳnh Thị Phụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị P.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị C khởi kiện ông ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng. Tuy phía ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp như biên nhận đề ngày 09/11/2016 do ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng ký tên nhận tiền 80.000.000 đồng; Tờ thỏa thuận cầm xe đề ngày 13/12/2016 thể hiện ông B có cầm cho chị Cúc 01 chiếc xe mô tô biển số 67D1-436.56 cầm với số tiền 50.000.000 đồng, anh Linh B mượn xe lại để chạy tới lui...do ông B ký tên người cầm xe và bà Phụng ký tên người chứng kiến; từ chứng cứ trên cho thấy qua 2 lần vay mượn nợ và cầm xe thì ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị P có nhận của bà C số tiền tổng cộng 130.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Qua nhiều lần mời hòa giải, đôi chất làm rõ ông B và bà Phụng đều vắng mặt không rõ lý do. Cán bộ Tòa án có đến tận địa phương nhưng vẫn không ghi được lời khai do ông B và bà Phụng vắng mặt. Xét thấy trong mối quan hệ vay mượn nợ và cầm xe này phía ông B và bà Phụng là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình kéo dài thời gian thanh toán nợ. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng là phù hợp.

*Đối với hợp đồng cầm cố:* Đối với việc thỏa thuận tại tờ thỏa thuận cầm xe thể hiện thực tế ông B chỉ nhận tiền chứ cũng không giao xe cho bà C quản lý nên không đặt ra xem xét việc trả lại xe.

*Về lãi suất:* Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày quá trình mượn nợ đến nay phía bị đơn chưa trả lãi suất và việc cầm xe chỉ trả lãi được 1.500.000 đồng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị P phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Bà Trần Thị C. Do yêu cầu được chấp nhận nên bà C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 256, 326, 327, 328, 329, 330, 331 Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị C (Trình) .

Buộc ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị C (Trinh) số tiền là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng phải chịu 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị C được nhận lại 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0007043 ngày 13/7/2020 tại chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/5/2023). Ông Phạm Duyên Linh B và bà Huỳnh Thị Phụng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV-THA. TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CC.THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Kim Hoa**